

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách 9 tháng năm 2017
của Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I**

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐTNĐ KHU VỰC I

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2017 của Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tài chính

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách 9 tháng năm 2017 của Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng Phòng, Ban và các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục ĐTNĐ VN (để b/c);
- Lưu: TC, VT



Văn Trọng Dũng

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị : Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I

Chương : 021

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC 9 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 79 /QĐ- CVĐTNĐKVI ngày 16/10/2017 của Cảng vụ ĐTNĐ KVI)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số T T	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	9.042	9.042			
A	Tổng số thu	9.042	9.042			
1	Số thu phí, lệ phí	9.042	9.042			
1.1	Lệ phí	776	776			
	Lệ phí ra vào Cảng bến	776	776			
1.2	Phí	8.266	8.266			
	Phí Cảng vụ Đường thủy nội địa	8.266	8.266			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại					
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	6.752	6.752			
1.1	Chi sự nghiệp kinh tế Đường thủy nội địa	6.752	6.752	3.708	60	1.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.752	6.752	3.708	60	1.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.603	1.603			
3.1	Lệ phí	776	776			
	Lệ phí ra vào Cảng bến	776	776			
3.2	Phí	827	827			
	Phí Cảng vụ Đường thủy nội địa	827	827			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4.162	4.162	3.189	24	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					

Số T T	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa	4.162	4.162	2.760	24	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.880	3.880	2.760	24	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	282	282			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

Ngày 16 tháng 10 năm 2017



Văn Trọng Dũng